

Số: ~~1380~~ /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 30 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án: “Phục hồi và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn gắn liền với sinh kế bền vững tại khu vực hạ lưu sông Bến Hải, sông Thạch Hãn nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 12/2009/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh và Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 về hướng dẫn việc thực hiện Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg;

Căn cứ Công văn số 78/TTg-KTTH ngày 16/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu SP-RCC;

Căn cứ văn bản số 3726/BNN-TCLN ngày 15/5/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thẩm định kỹ thuật, đơn giá và mức đầu tư Dự án: “Phục hồi và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn gắn liền với sinh kế bền vững tại khu vực hạ lưu sông Bến Hải, sông Thạch Hãn nhằm ứng phó với BĐKH”;

Căn cứ văn bản số 3995/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 22/6/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn ngân sách Trung ương cho dự án SP-RCC;

Xét đề nghị của Chi cục Biển, Hải đảo và KTTV tại Tờ trình số 77/Tr-CCBHĐKTTV ngày 30/6/2015, số 79/CCBHĐKTTV-BĐKH ngày 09/7/2015 và hồ sơ kèm theo; Sở Nông nghiệp và PTNT tại báo cáo kết quả thẩm định số 859/SNN-BC ngày 29/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt dự án: “Phục hồi và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn gắn liền với sinh kế bền vững tại khu vực hạ lưu sông Bến Hải, sông Thạch Hãn nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu” với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án, chủ đầu tư, hình thức đầu tư:

- Tên dự án: Phục hồi và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ngập mặn gắn liền với sinh kế bền vững tại khu vực hạ lưu sông Bến Hải, sông Thạch Hãn nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chủ đầu tư: Chi cục Biển, Hải đảo và Khí tượng thủy văn.
- Hình thức đầu tư: Ngân sách nhà nước bố trí thông qua Chương trình SP-RCC.

2. Địa điểm lập dự án: Xã Triệu Độ, Triệu Phước, Triệu An (huyện Triệu Phong) và xã Gio Mai, Trung Hải (huyện Gio Linh).

3. Mục tiêu của dự án:

- Trồng và phát triển rừng ngập mặn tại khu vực bãi bồi giúp ổn định vùng bãi, sử dụng đa mục tiêu, nâng cao hiệu quả kinh tế biển.

- Tạo và phục hồi các đai rừng ngập mặn để bảo vệ cho sự phát triển bền vững của các hệ sinh thái ven biển.

- Nâng cao tác dụng chắn sóng bảo vệ đê sông, mở rộng đất đai, bảo vệ sản xuất vùng bãi bồi ngoài đê.

- Nâng cao nhận thức của người dân về giá trị và tầm quan trọng của trồng rừng bảo vệ, rừng phòng hộ đặc biệt là tại các vùng xung yếu như đê, kè sông, ven biển ngập triều hướng tới tăng thu nhập cho người dân vùng ven biển.

4. Nội dung và qui mô của dự án:

a. Trồng rừng ngập mặn:

- Trồng mới rừng ngập mặn và chăm sóc rừng mới trồng với diện tích là 63,5 ha; trong đó: 36,8 ha trồng với mật độ 2.500 cây/ha (cây cách cây 2m, hàng cách hàng 2m); 26,7 ha trồng với mật độ 1.600 cây/ha (cây cách cây 2,5m, hàng cách hàng 2,5m).

- Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

- + Loại cây trồng: bần chua (*Sonneratia caseolaris*). Phương thức trồng: thuần loài.

- + Tiêu chuẩn cây trồng: Cây con có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; cây từ 18÷24 tháng tuổi, cao 1,0÷1,5m, đường kính cổ rễ 1,5÷2,0m, sinh trưởng tốt, không dập gãy thân cành chính, không sâu bệnh, được ươm trong túi bầu PE. Việc quản lý giống thực hiện theo quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp của Bộ NN&PTNT ban hành.

- + Hồ trồng: Đối với những lô có tỷ lệ cát TB 59,2% không cần cải tạo thể nền, đào hồ trồng cây với kích thước hồ 50 x 50 x 50 cm; Đối với những lô có tỷ lệ cát TB 76,35% cần cải tạo thể nền, đào hồ cải tạo thể nền với kích thước hồ 50 x 50 x 50 cm, sau đó thay thế toàn bộ đất cát pha trong hồ bằng đất phù sa giàu chất dinh dưỡng (*tận dụng đất phù sa bề mặt bãi bồi lấp hố cải tạo*); Đối với những lô có tỷ lệ cát TB 84,45% cần cải tạo thể nền, đào hồ cải tạo thể nền với kích thước hồ 50 x 50 x 50 cm, sau đó thay thế toàn bộ đất cát pha trong hồ bằng đất phù sa giàu chất dinh dưỡng (*vận chuyển đất phù sa giàu dinh dưỡng xuống bãi và lấp hố cải tạo*).

- + Chăm sóc giữ cây: Sau khi trồng xong, mỗi cây cắm một cọc tre dài 1,2÷1,5m, đường kính cọc 2÷3cm, cắm sâu 0,6m, dùng dây nilông buộc cố định gốc cây vào cọc.

- + Chăm sóc, bảo vệ rừng sau khi trồng: chăm sóc 2 lần/năm, trong 5 năm sau khi trồng.

b. Các công trình hỗ trợ:

- Dải phân cách giữa các lô trồng rừng: tùy theo vị trí các lô để thiết kế dải phân cách kết hợp làm đường dân sinh tạo thuận lợi trong quá trình chăm sóc, bảo vệ. Xây dựng hàng rào bảo vệ cho từng khu vực trồng.

- Biển báo hiệu: Tổng số 18 biển, được làm bằng BTCT kích thước 1,0x1,5m.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền.

5. Tổng mức đầu tư của dự án: **18.110.660.000 đồng**

(*Bằng chữ: Mười tám tỷ, một trăm mười triệu, sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*). Trong đó:

- Chi phí trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng mới trồng: 12.009.672.580 đồng

- Chi phí các công trình hỗ trợ: 2.119.459.448 đồng

- Chi phí thiết bị : 1.000.000.000 đồng

- Chi phí quản lý dự án : 299.902.607 đồng

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 677.497.900 đồng

- Chi phí khác (gồm cả chi phí tuyên truyền): 438.050.000 đồng

- Chi phí dự phòng: 1.566.077.640 đồng.

6. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Chương trình SP-RCC: 16.373.537.609 đồng.

- Ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác: 1.737.122.640 đồng

7. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định của pháp luật.

8. Hình thức thực hiện dự án: Thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu.

9. Thời gian thực hiện dự án: từ 2015-2020.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

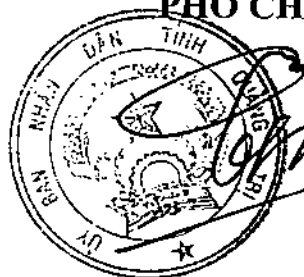
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Biên, Hải đảo và KTTV chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Chủ tịch Nguyễn Đức Chính;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quân Chính